

Số: 1088/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/20207/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

1. Cập nhật các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định.
2. Niêm yết công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị tại trụ sở cơ quan và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.
3. Triển khai thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các thủ tục hành chính liên quan đã được công bố tại Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 31/3/2016; Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 và Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

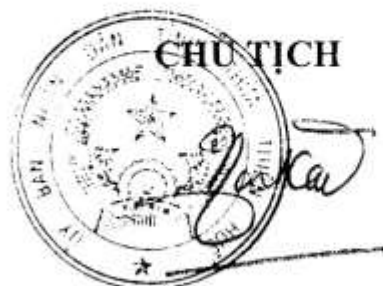
Điều 4. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm xây dựng quy trình giải quyết các thủ tục hành chính này theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 gửi Sở Khoa học và Công nghệ cho ý kiến trước khi ban hành.



Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục KSTTHC (VP Chính phủ) (gửi qua mạng);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (gửi qua mạng);
- UBND các huyện, TX, thành phố (gửi qua mạng);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CCHC, GT, HCC.



Nguyễn Văn Cao

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỪA THIÊN HUẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1088 /QĐ-UBND ngày 23/5/2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Tên VBQPPL quy định TTHC
Lĩnh vực Đường bộ					
1	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải	04 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai, thành phố Huế	-	- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ;
2	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải	04 ngày làm việc		-	- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT; - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ GTVT.
3	Cấp Đăng ký xe máy chuyên dùng lần đầu	07 ngày làm việc		200.000	- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ GTVT;
4	Cấp Đăng ký xe máy chuyên dùng có thời hạn	07 ngày làm việc		200.000	- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 5/12/2011 của Bộ GTVT;
5	Cấp Đăng ký xe máy chuyên dùng không có chứng từ nguồn gốc hoặc mất toàn bộ hồ sơ di chuyển	07 ngày làm việc		200.000	- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.
6	Sang tên chủ sở hữu ở khác tỉnh, thành phố	07 ngày làm việc		200.000	

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Cấp mới giấy phép kinh doanh vận tải:

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Hành chính công tỉnh nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Cán bộ tiếp nhận Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công tiếp nhận hồ sơ phù hợp với thủ tục hành chính; cán bộ bộ phận HC-TH tại Trung tâm Hành chính công: số hóa thành phần hồ sơ và chuyển hồ sơ điện tử về Phòng Quản lý vận tải và phương tiện.

- Phòng Quản lý vận tải và phương tiện phân công chuyên viên nghiên cứu, thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, lập phiếu bổ sung hồ sơ chuyển Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công để thông báo khách hàng bổ sung, làm lại hoặc trả hồ sơ;

+ Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Phòng Quản lý vận tải và phương tiện thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở cấp Giấy phép kinh doanh. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công: Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.

Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

+ Từ thứ hai đến thứ sáu: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00; Buổi chiều: từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30.

+ Thứ bảy: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải (Bản chính – theo mẫu);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Văn bằng chuyên môn, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải (Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (Bản chính);

- Quyết định thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe ta xi, vận tải hàng hoá bằng công-ten nơ);

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe ta xi.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: *Không quá 4 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Giao thông vận tải

7. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh vận tải.

8. Phí, lệ phí: *Không*

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải;

- Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Với các doanh nghiệp, HTX kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, xe ta xi, vận tải hàng hoá bằng công ten nơ phải có Kế hoạch bảo đảm an toàn giao thông và Quy trình bảo đảm an toàn giao thông.

- Với các doanh nghiệp kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, du lịch, vận tải hàng hoá thông thường phải có Quy trình đảm bảo an toàn giao thông.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008.

- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị
KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:.....
do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
.....
.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KD vận
tải:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.
- Các nội dung quản lý khác.

II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyển khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.

- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.

- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.

- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường...).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Tên đơn vị kinh doanh
vận tải:.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Nội dung đăng ký

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách của Bộ Giao thông vận tải (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

II. Cấp lại giấy phép kinh doanh vận tải:

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Hành chính công tỉnh nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Cán bộ tiếp nhận Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công tiếp nhận hồ sơ phù hợp với thủ tục hành chính; cán bộ bộ phận HC-TH tại Trung tâm Hành chính công: số hóa thành phần hồ sơ và chuyển hồ sơ điện tử về Phòng Quản lý vận tải và phương tiện.

- Phòng Quản lý vận tải và phương tiện phân công chuyên viên nghiên cứu, thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, lập phiếu bổ sung hồ sơ chuyển Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công để thông báo khách hàng bổ sung, làm lại hoặc trả hồ sơ;

+ Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Phòng Quản lý vận tải và phương tiện thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở cấp Giấy phép kinh doanh. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công: Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.

Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

+ Từ thứ hai đến thứ sáu: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00; Buổi chiều: từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30.

+ Thứ bảy: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Với hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại (theo mẫu);

- Giấy phép kinh doanh đã cấp trước đó;

- Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong giấy phép kinh doanh quy định tại Khoản 3 Điều 20 Nghị định 86/2014/NĐ-CP (Việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

b) Với hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh do hết hạn:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại (theo mẫu);

- Giấy phép kinh doanh đã cấp trước đó;

- Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (theo mẫu).

c) Với hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị mất hoặc bị hư hỏng:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại (theo mẫu);

- Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng hoặc văn bản có xác nhận của công an xã, phường nơi đơn vị kinh doanh vận tải trình báo mất Giấy phép kinh doanh.

d) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 4 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Với trường hợp bị mất: Không quá 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Giao thông vận tải

7. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh vận tải.

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải;

- Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008.

- Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Tên đơn vị
KDVT:.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:.....
do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
.....
.....
8. Lý do đề nghị cấp lại.....
Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

III. Cấp đăng ký xe máy chuyên dùng lần đầu:

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức/cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Đăng ký xe máy chuyên dùng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Hành chính công tỉnh nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Cán bộ tiếp nhận Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công tiếp nhận hồ sơ phù hợp với thủ tục hành chính; cán bộ bộ phận HC-TH tại Trung tâm Hành chính công: số hóa thành phần hồ sơ và chuyển hồ sơ điện tử về Phòng Quản lý vận tải và phương tiện.

- Phòng Quản lý vận tải và phương tiện phân công chuyên viên nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, kiểm tra xe máy tại hiện trường.

+ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, lập phiếu bổ sung hồ sơ chuyển Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công để thông báo chủ sở hữu xe máy chuyên dùng bổ sung, làm lại hoặc trả hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

- Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công: Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.

Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

+ Từ thứ hai đến thứ sáu: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00; Buổi chiều: từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30.

+ Thứ bảy: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính – theo mẫu).

- Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng:

+ Hoặc Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);

+ Hoặc giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng);

+ Hoặc văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu (bản chính);

+ Hoặc quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Hoặc văn bản phát mại theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Hoặc lệnh xuất hàng của Cục Dự trữ quốc gia. Trường hợp lệnh xuất hàng gồm nhiều xe máy chuyên dùng thì mỗi xe phải có một bản sao có chứng thực.

- Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng:

+ Đối với XMCD sản xuất, lắp ráp trong nước, chứng từ nguồn gốc là phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của cơ sở sản xuất (bản chính);

+ Đối với XMCD nhập khẩu, chứng từ nguồn gốc là tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Đối với XMCD đã qua cải tạo còn phải có thêm biên bản nghiệm thu xuất xưởng của cơ sở được phép cải tạo. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung phải có chứng từ mua bán các tổng thành đó; nếu tổng thành khung xe được thay thế sử dụng từ các XMCD đã được cấp đăng ký phải có tờ khai xóa sổ đăng ký theo mẫu quy định.

* Khi nộp hồ sơ, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đã bao gồm cả thời gian kiểm tra xe).

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

6. Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Giao thông vận tải.

7. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký, Biển số.

8. Lệ phí: 200.000 đồng/lần/phương tiện.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Giấy bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 5/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi một số điều của Thông tư 20/2010/TT-BGTVT;

- *Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.*

* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Phụ lục 2
MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu:..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....
Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....
Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Loại xe máy chuyên dùng:..... Màu sơn:.....
Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất:
Nước sản xuất:..... Năm sản xuất:.....
Số động cơ:..... Số khung:.....
Kích thước bao (dài x rộng x cao): Trọng lượng:.....
Giấy tờ kèm theo, gồm có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tảixét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

... , ngày.....tháng..... năm.....

Người khai ký tên

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trả số động cơ)

(Dán trả số khung)

* chỉ dán trả số động cơ của máy chính

- Đăng ký lần đầu

- Mất chứng từ gốc

- Số biển số cũ: (nếu có):.....**Biển số đề nghị cấp:**

Cán bộ làm thủ tục

Trưởng phòng duyệt

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký tên, đóng dấu)

*Ghi chú: - Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trả số động cơ, số khung.

IV. Cấp đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng:

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức/cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Đăng ký xe máy chuyên dùng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Hành chính công tỉnh nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Cán bộ tiếp nhận Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công tiếp nhận hồ sơ phù hợp với thủ tục hành chính; cán bộ bộ phận HC-TH tại Trung tâm Hành chính công: số hóa thành phần hồ sơ và chuyển hồ sơ điện tử về Phòng Quản lý vận tải và phương tiện.

- Phòng Quản lý vận tải và phương tiện phân công chuyên viên nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, kiểm tra xe máy tại hiện trường.

+ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, lập phiếu bổ sung hồ sơ chuyên Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công để thông báo chủ sở hữu xe máy chuyên dùng bổ sung, làm lại hoặc trả hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

- Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công: Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.

Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

+ Từ thứ hai đến thứ sáu: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00; Buổi chiều: từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30.

+ Thứ bảy: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng (bản chính - theo mẫu).

- Giấy phép đầu tư của chủ dự án nước ngoài đầu tư tại Việt Nam (bản sao có chứng thực).

- Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng:

+ Đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước, chứng từ nguồn gốc là phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của cơ sở sản xuất (bản chính);

+ Đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu, chứng từ nguồn gốc là tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

Khi nộp hồ sơ, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết: 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đã bao gồm cả thời gian kiểm tra xe).

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

6. Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Giao thông vận tải.

7. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký, Biển số.

8. Lệ phí: 200.000 đồng/lần/phương tiện.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Giấy bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 5/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi một số điều của Thông tư 20/2010/TT-BGTVT;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG CÓ THỜI HẠN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT- BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG CÓ THỜI HẠN**

Tên chủ sở hữu:.....
Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư số:.....
Ngày cấp:.....Cơ quan cấp.....
Thời hạn thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam:.....
Trụ sở giao dịch:.....
Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....
Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất.....
Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....
Số động cơ:.....Số khung.....
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tảixét cấp đăng ký, biển số có thời hạn cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

..., ngày.....tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Phản ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

Biển số đề nghị cấp:

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:*

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

V. Cấp đăng ký xe máy chuyên dùng không có chứng từ nguồn gốc hoặc mất toàn bộ hồ sơ di chuyển:

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức/cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Đăng ký xe máy chuyên dùng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Hành chính công tỉnh nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Cán bộ tiếp nhận Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công tiếp nhận hồ sơ phù hợp với thủ tục hành chính; cán bộ bộ phận HC-TH tại Trung tâm Hành chính công: số hóa thành phần hồ sơ và chuyển hồ sơ điện tử về Phòng Quản lý vận tải và phương tiện.

- Phòng Quản lý vận tải và phương tiện phân công chuyên viên nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, kiểm tra xe máy tại hiện trường.

+ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, lập phiếu bổ sung hồ sơ chuyên Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công để thông báo chủ sở hữu xe máy chuyên dùng bổ sung, làm lại hoặc trả hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

- Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công: Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.

Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

+ Từ thứ hai đến thứ sáu: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00; Buổi chiều: từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30.

+ Thứ bảy: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng – (bản chính, theo mẫu);

- Một trong các chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng:

+ Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);

+ Giấy bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

- Tờ Thông báo công khai đăng ký xe máy chuyên dùng có xác nhận của đơn vị đăng thông báo (bản chính – theo mẫu);

- Tờ cam đoan của chủ sở hữu về hồ sơ đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính - theo mẫu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đã bao gồm cả thời gian kiểm tra xe).

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

6. Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Giao thông vận tải.

7. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký, Biển số.

8. Lệ phí: 200.000 đồng/lần/phương tiện.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Tờ Thông báo công khai đăng ký xe máy chuyên dùng có xác nhận của đơn vị đăng thông báo;

- Tờ cam đoan của chủ sở hữu về hồ sơ đăng ký xe máy chuyên dùng.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 5/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi một số điều của Thông tư 20/2010/TT-BGTVT;

- *Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.*

* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Phụ lục 2
MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu:..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....Số CMND hoặc hộ chiếu:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn:.....
Nhân hiệu (mác, kiểu):..... Công suất:
Nước sản xuất:.....Năm sản xuất:.....
Số động cơ:.....Số khung:.....
Kích thước bao (dài x rộng x cao):Trọng lượng:.....
Giấy tờ kèm theo, gồm có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
Đề nghị Sở Giao thông vận tảixét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe
máy chuyên dùng khai trên

... , ngày.....tháng..... năm.....

Người khai ký tên

Phản ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trả số động cơ)

(Dán trả số khung)

** chỉ dán trả số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu

- Mất chứng từ gốc

- Số biển số cũ: (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp:

Cán bộ làm thủ tục

Trưởng phòng duyệt

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú: - Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;*

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trả số động cơ, số khung.

MẪU TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG.
(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

Tên Sở GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số CMND hoặc số hộ chiếu:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu

sơn.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất

Nước sản xuất:..... Năm sản xuất.....

Số động cơ:..... Số khung.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):..... Trọng

lượng.....

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:.....

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do.....

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+.....

+.....

+.....

Lý do:.....

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Chủ phương tiện

(ký, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.

Phụ lục 20
MẪU THÔNG BÁO CÔNG KHAI ĐĂNG KÝ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

Tên Sở GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO CÔNG KHAI ĐĂNG KÝ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số CMND hoặc số hộ chiếu:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu

sơn.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất

Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....

Số động cơ:.....Số khung.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng

lượng.....

Nay tôi xin thông báo công khai, nếu ai có tranh chấp quyền sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng nêu trên xin gửi về Sở Giao thông vận tải.....

Sau 7 ngày kể từ khi thực hiện thông báo này, nếu không có tranh chấp, Sở Giao thông vận tải sẽ tiến hành làm thủ tục đăng ký cho tôi theo quy định của pháp luật.

Chủ phương tiện
(ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của đơn vị đăng thông báo:

Đã thực hiện thông báo công khai tại.....

Thời hạn thông báo là 07 ngày: Từ ngày.../.../.... đến ngày.../.../....

....., ngày.....tháng năm.....

Thủ trưởng đơn vị thông báo

(ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú:

Bản thông báo này được lưu trong hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải.

VI. Sang tên chủ sở hữu ở khác tỉnh, thành phố:

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức/cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Đăng ký xe máy chuyên dùng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Hành chính công tỉnh nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Cán bộ tiếp nhận Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công tiếp nhận hồ sơ phù hợp với thủ tục hành chính; cán bộ bộ phận HC-TH tại Trung tâm Hành chính công: số hóa thành phần hồ sơ và chuyển hồ sơ điện tử về Phòng Quản lý vận tải và phương tiện.

- Phòng Quản lý vận tải và phương tiện phân công chuyên viên nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, kiểm tra xe máy tại hiện trường.

+ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, lập phiếu bổ sung hồ sơ chuyển Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công để thông báo chủ sở hữu xe máy chuyên dùng bổ sung, làm lại hoặc trả hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

- Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm Hành chính công: Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.

Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

+ Từ thứ hai đến thứ sáu: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00; Buổi chiều: từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30.

+ Thứ bảy: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

3. Thành phần hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính - theo mẫu).

- Một trong các chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng:

+ Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);

+ Giấy bán, cho, tặng XMCD theo mẫu quy định (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực)

- Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính) đã được cấp kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký.

Ghi chú:

- Đối với trường hợp di chuyển đăng ký không thay đổi chủ sở hữu: thủ tục, hồ sơ không cần chứng từ xác định quyền sở hữu.

- Khi nộp hồ sơ, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết: 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đã bao gồm cả thời gian kiểm tra xe).

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

6. Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Giao thông vận tải.

7. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký, Biển số.

8. Lệ phí: 200.000 đồng/lần/phương tiện.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 5/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi một số điều của Thông tư 20/2010/TT-BGTVT;

- *Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.*

* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Phụ lục 2

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu:..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....
 Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
 Địa chỉ thường trú:.....
 Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....
 Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
 Địa chỉ thường trú:.....
 Loại xe máy chuyên dùng:..... Màu sơn:.....
 Nhân hiệu (mác, kiểu):..... Công suất:
 Nước sản xuất:..... Năm sản xuất:.....
 Số động cơ:..... Số khung:.....
 Kích thước bao (dài x rộng x cao): Trọng lượng:.....
 Giấy tờ kèm theo, gồm có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
 Đề nghị Sở Giao thông vận tải xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe
 máy chuyên dùng khai trên

... , ngày.....tháng..... năm.....
 Người khai ký tên

Phản ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trả số động cơ)

(Dán trả số khung)

* chỉ dán trả số động cơ của máy chính

- Đăng ký lần đầu

- Mất chứng từ gốc

- Số biển số cũ: (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp:

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

- * Ghi chú: - Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;
 - Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;
 - Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trả số động cơ, số khung.

